

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số : 75 /2017/DS-ST

Ngày 12 - 7 - 2017

V/ việc tranh chấp hợp đồng vay

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Tiến Sĩ

Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Võ Thanh Liêm
2. Ông Nguyễn Hoàng Kha

Thư ký phiên tòa: Bà Tô Huyền Trang – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Vào ngày 12 tháng 7 năm 2017, Tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Cà Mau. Xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số : 252/ 2017/DS -ST ngày 14 tháng 6 năm 2017, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số : 479/2017/ QĐXXST- DS ngày 05 tháng 7 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng vay giữa :

- *Nguyên đơn:* - Anh Nguyễn Việt T - sinh năm : 1974
- Chị Hàn Tú Th - sinh năm : 1976

Cùng địa chỉ: Đường D1, Khu đô thị mới A, Ấp B, xã C, thành phố D, tỉnh H.

- *Người đại diện theo ủy quyền của chị Hàn Tú Th là :* anh Nguyễn Việt T (theo văn bản ủy quyền ngày 14/6/2017). Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị H – sinh năm: 1965

Địa chỉ: Đường D1, Khu đô thị mới A, Ấp B, xã C, thành phố D, tỉnh H.

-*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn :*

Chị Trần Kim N – sinh năm : 1990

Địa chỉ : Khu đô thị T, Ấp B, xã C, thành phố D, tỉnh H.(theo văn bản ủy quyền ngày 03/7/2017) Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Tại đơn khởi kiện ngày 13/6/2017, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa anh Nguyễn Việt T trình bày : vợ chồng anh có cho bà Trần Thị H vay số tiền 47.000.000đ, vào các lần như sau :

- lần 1: ngày 17/12/2012 (âm lịch) vay 4.000.000đ
- lần 2: ngày 23/5/2913 (âm lịch) vay 12.000.000đ

- lần 3: ngày 07/7/2013 (âm lịch) vay 26.000.000đ
- lần 4: ngày 29/8/2013 (âm lịch) vay 5.000.000đ

Khi vay có làm biên nhận và thỏa thuận miệng lãi suất 7%/tháng, ngoài ra bà H còn đưa cho vợ chồng anh giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH247273 tên Đinh Văn Ph và Trần Thị H do Ủy ban nhân thành phố D cấp ngày 28/3/2007. Quá trình vay đến nay bà H chưa trả được khoản tiền vốn và lãi nào. Nay anh T, chị Th yêu cầu bà H hoàn trả số tiền 47.000.000đ vốn và khoản lãi theo lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 29/8/2013 âm lịch đến ngày 19/5/2017 âm lịch (nhằm ngày 13/6/2017 dương lịch), với số tiền lãi là 34.328.800đ. Tổng cộng hai khoản vốn và lãi là 81.328.800đ, ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai ngày 30/6/2017, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa chị Trần Kim N là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày : Bà Trần Thị H có vay của vợ chồng anh T, chị Th tổng số tiền vốn là 47.000.000đ vào các ngày đúng như phía anh T trình bày. Khi vay thỏa thuận miệng lãi suất 7%/tháng và có làm biên nhận, ngoài ra bà H có đưa cho vợ chồng anh T giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng như phía nguyên đơn trình bày. Nay bà H đồng ý thanh toán số tiền vốn và lãi là 81.328.800đ theo yêu cầu của nguyên đơn, nhưng do hiện nay gia đình đang gặp khó khăn nên bà xin trả mỗi tháng 2.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN :

[1]Về nội dung tranh chấp giữa các đương sự được xác định là hợp đồng vay tài sản. Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao dịch của các đương sự là có thật xảy ra được thể hiện tại các biên nhận ngày 17/12/2012(âm lịch); ngày 23/5/2013(âm lịch) ; ngày 07/7/2013 (âm lịch) và ngày 29/8/2013 (âm lịch). Xét thấy số tiền vốn tại Tòa nguyên và bị đơn đều thống nhất với nhau là phù hợp nên không đặt ra việc điều chỉnh.

[2]Về khoản lãi phát sinh anh T yêu cầu bà H trả lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 29/8/2013 âm lịch (nhằm ngày 03/10/2013 dương lịch) đến ngày 19/5/2017 âm lịch (nhằm ngày 13/6/2017 dương lịch), với số tiền là 34.328.800đ. Tại phiên Tòa chị N là người đại diện theo ủy quyền của bà H đồng ý thanh toán khoản lãi theo yêu cầu của anh T. Xét thấy việc các đương sự thống nhất số tiền lãi với nhau là phù hợp với pháp luật và có lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

Như vậy bà H phải có nghĩa vụ hoàn trả cho anh T, chị Th tổng số tiền vốn và lãi là : 47.000.000đ + 34.328.800đ = 81.328.800đ.

[3]Về thời gian thanh toán, tại phiên Tòa anh T đồng ý cho bà H thanh toán số tiền 81.328.800đ làm 03 lần, nhưng chị N là người đại diện cho bà H không đồng ý mà xin được trả mỗi tháng 2.000.000đ. Xét thấy vấn đề này thuộc thẩm quyền của cơ quan thi hành án nên Hội đồng xét xử không đặt ra việc xem xét.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH247273 đứng tên Đinh Văn Ph và Trần Thị H do Ủy ban nhân thành phố D cấp ngày 28/3/2007 mà anh T, chị Th giữ của bà H. Nay các đương sự đã giao trả lại cho nhau và không có yêu cầu gì nên không đặt ra việc xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà H phải chịu theo quy định.
Với các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 463, 465, 466 , 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Việt T, chị Hàn Tú Th. Buộc bà Trần Thị H hoàn trả cho anh Nguyễn Việt T và chị Hàn Tú Th tổng số tiền vốn và lãi là 81.328.800đ (tám mươi một triệu ba trăm hai mươi tám ngàn tám trăm đồng).

Kể từ ngày anh Nguyễn Việt T và chị Hàn Tú Th có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trần Thị H không thanh toán xong thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Trần Thị H phải chịu 4.066.000 đồng (chưa nộp). Anh Nguyễn Việt T, chị Hàn Tú Th không phải nộp, ngày 14 tháng 6 năm 2017 đã dự nộp 3.054.000 đồng (lai 0003263) được hoàn lại toàn bộ khi bản án có hiệu lực.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Cà Mau
- VKSND thành phố Cà Mau
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu án văn
- Lưu TM (TANDTPCM)

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Tiến Sĩ